

Chương 4



Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng





4.1. Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

Gồm các
nội dung

4.1.1. Khái niệm và nội dung của vốn SX-KD

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.4. Nguồn vốn và các phương án cấu tạo NV

4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.1. Khái niệm và nội dung của vốn SX-KD

- ◆ **Theo nghĩa rộng**, vốn của doanh nghiệp là tất cả các nguồn lực như: nguyên vật liệu, thiết bị, nhà xưởng sản xuất, nhân lực, thông tin, uy tín của doanh nghiệp được sử dụng vào mục đích sản xuất và kinh doanh để sinh lời.
- ◆ **Theo tính chất hoạt động và nghĩa hẹp**, vốn sản xuất của doanh nghiệp bao gồm hai bộ phận chính : vốn cố định và vốn lưu động
- ◆ **Theo hình thức tồn tại**, vốn của DNXD bao gồm vốn dưới dạng hiện vật (tài sản cố định sản xuất và một bộ phận của vốn lưu động), vốn điều lệ và vốn dưới dạng khác như nhân phiếu, nhãn hiệu, thông tin....

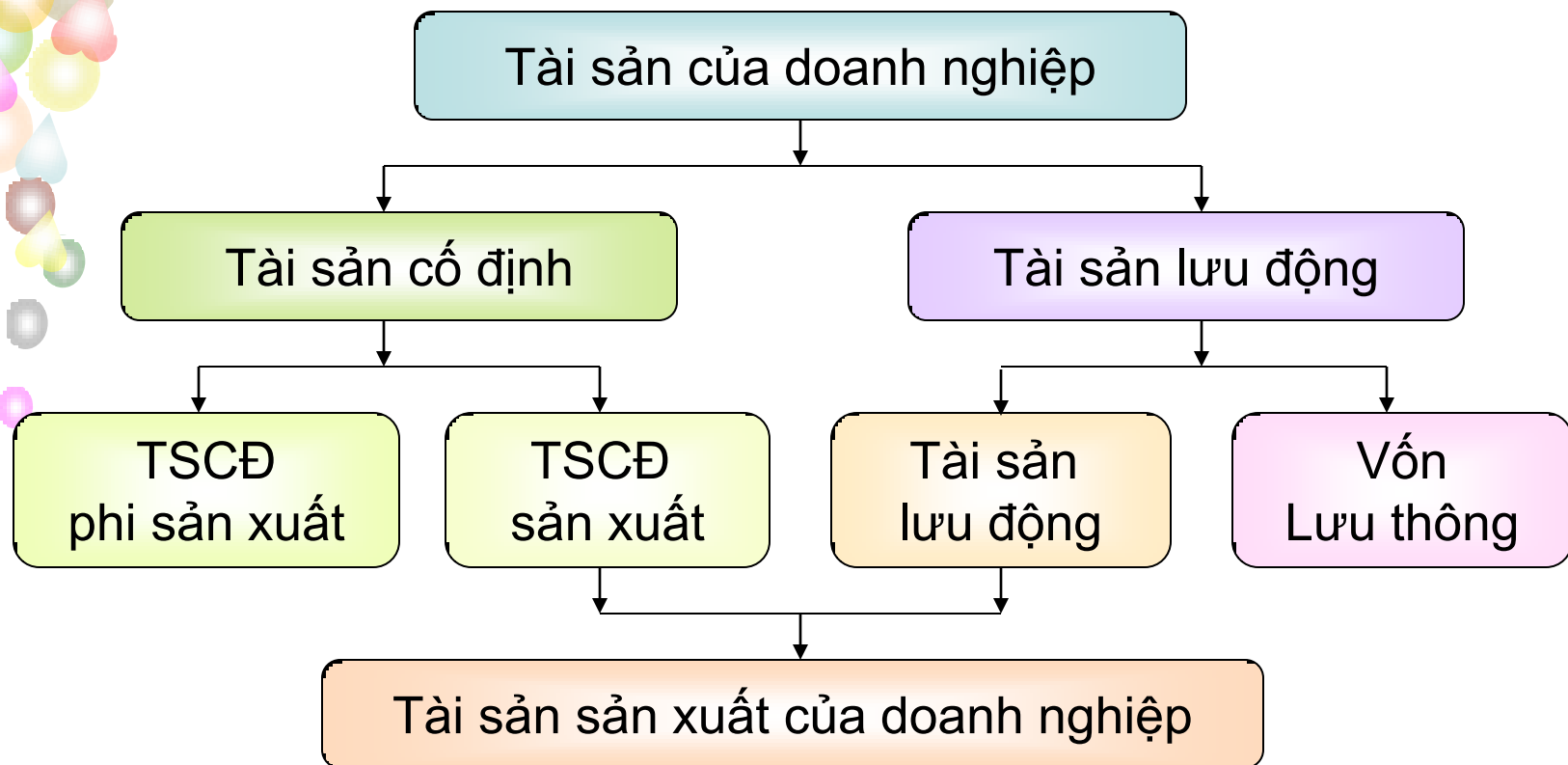


4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.1. Khái niệm và nội dung của vốn SX-KD

Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được mô tả ở sơ đồ



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.1. Khái niệm và nội dung của vốn SX-KD

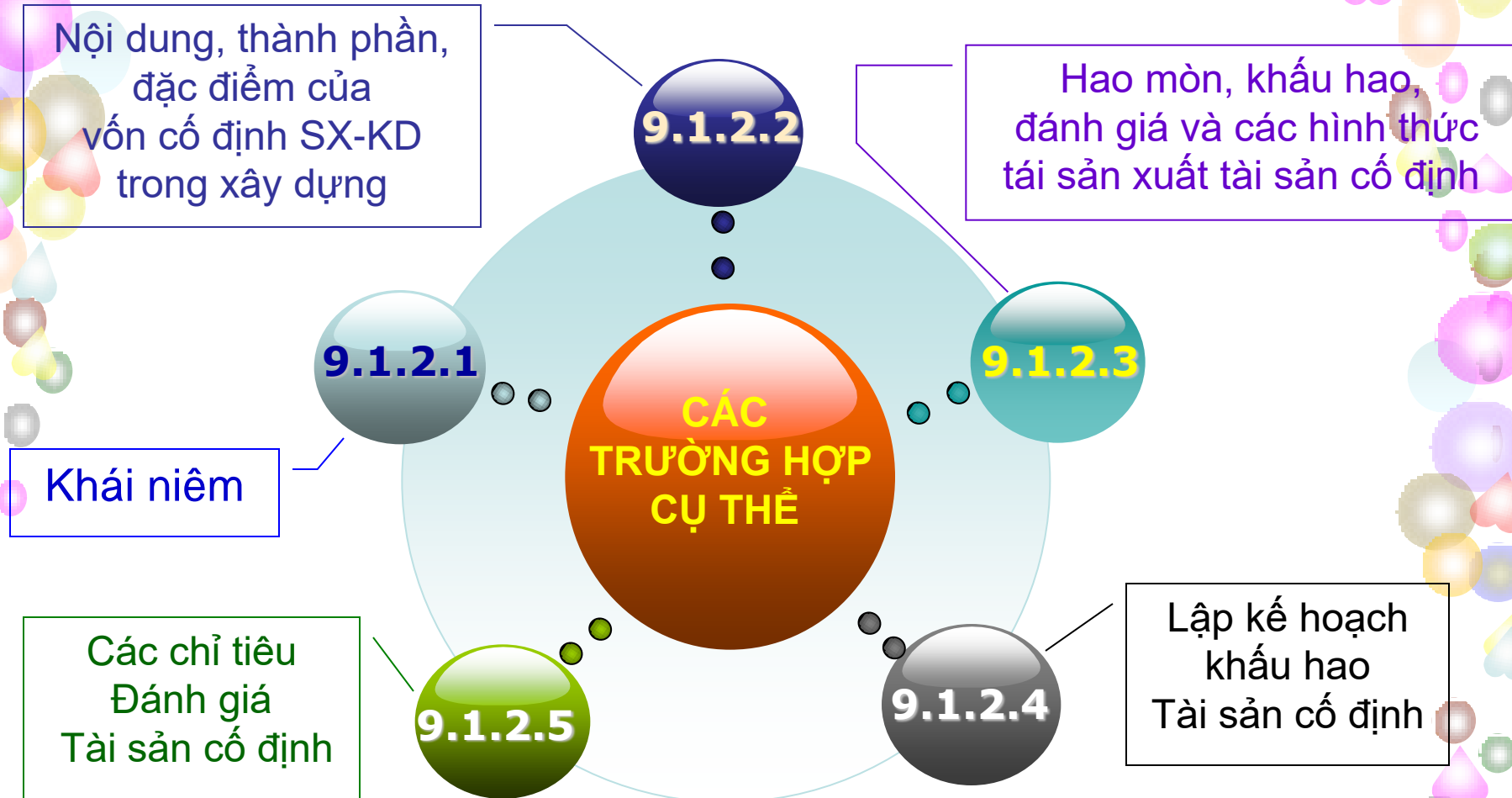
- ◊ Trong quá trình sản xuất - kinh doanh vốn của doanh nghiệp phải trải qua các giai đoạn sản xuất và lưu thông. Tùy thuộc vào tính chất tham gia vào quá trình sản xuất và hình thức chuyển giá trị của chúng vào sản phẩm mà người ta phân ra thành vốn cố định hay vốn lưu động



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.1. Khái niệm

Vốn cố định của doanh nghiệp xây dựng giữ chức năng của tư liệu lưu động, chúng tham gia vào quá trình sản xuất nhiều chu kỳ, sau mỗi chu kỳ sản xuất một bộ phận giá trị của nó được chuyển dần vào giá thành sản phẩm dưới hình thức khấu hao, nhưng hình thái vật chất ban đầu tương đối không thay đổi

Hiện nay, theo quy định của Bộ Tài chính một dụng cụ sản xuất đạt tiêu chuẩn là tài sản cố định khi thỏa mãn 2 điều kiện:

- ✧ Về giá trị: $G_{TSCĐ} > 30.000.000 \text{ đVN}$
- ✧ Về thời gian sử dụng: $T_{SD} > 1 \text{ năm}$



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.2. Nội dung, thành phần, đặc điểm của VCFD SX- KD XD

a. Nội dung, thành phần

◆ Thành phần của vốn cố định SX-KD của doanh nghiệp xây dựng gồm có:

+ ➔ **Thứ nhất:** phần thiết bị và máy móc đóng vai trò công cụ lao động của khu vực sản xuất chính xây lắp, của khu vực sản xuất phụ, của khu vực sản xuất phụ trợ, của công việc vận tải cung ứng, các thiết bị thí nghiệm, các thiết bị phục vụ công tác quản lý

+ ➔ **Thứ hai:** phần nhà xưởng (không kể thiết bị bên trong) chủ yếu là của khâu sản xuất phụ và phụ trợ của các lĩnh vực SX-KD khác và một số công trình tạm đặc biệt.



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.2. Nội dung, thành phần, đặc điểm của VỐN SX- KD XD

b. Đặc điểm

- ✨ Vì TSCĐ trong XD là các máy móc, thiết bị không cần có nhà xưởng kiên cố bao che, nên phần giá trị thiết bị máy móc chiếm tỷ lệ lớn trong giá trị tài sản của DN và lớn hơn nhiều so với các ngành khác
- ✨ Vì TSCĐ trong XD phần lớn là máy móc lưu động nên phần giá trị của TSCĐ là MM-TB bị tự di chuyển thường lớn hơn các ngành khác
- ✨ Cơ cấu TSCĐ của DNXD phụ thuộc vào nhiều nhân tố như loại hình xây dựng, trình độ TTH, CMH xây dựng và luôn biến động
- ✨ Trong điều kiện các tổ chức chuyên cho thuê MXD xuất hiện phổ biến thì giá trị TSCĐ của DNXD sẽ giảm đi đáng kể.



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

Hao mòn vô hình TSCĐ là một phạm trù kinh tế (hao mòn vô hình kinh tế), nó không có liên quan gì đến hao mòn hữu hình, mà chủ yếu là do áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong khâu thiết kế về chế tạo nên MM-TB vừa mới được SX thường có năng suất cao hơn với giá thành nhỏ hơn, hoặc do TSCĐ không đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Trong XD các TSCĐ là MXD có thể bị hao mòn vô hình do mẫu nhà hay công trình thay đổi

độ kỹ thuật
TSCĐ xét theo góc
hao mòn kinh tế) là
giá trị TSCĐ vào
tuỳ theo mức độ
đầu của tài sản
kỹ thuật gây nên

1.

Hao mòn hữu
hình TSCĐ xét
theo góc độ
kỹ thuật

2.

Hao mòn hữu
hình TSCĐ xét
theo góc độ
kinh tế

3.

Hao mòn vô
hình TSCĐ là
một phạm trù
kinh tế



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

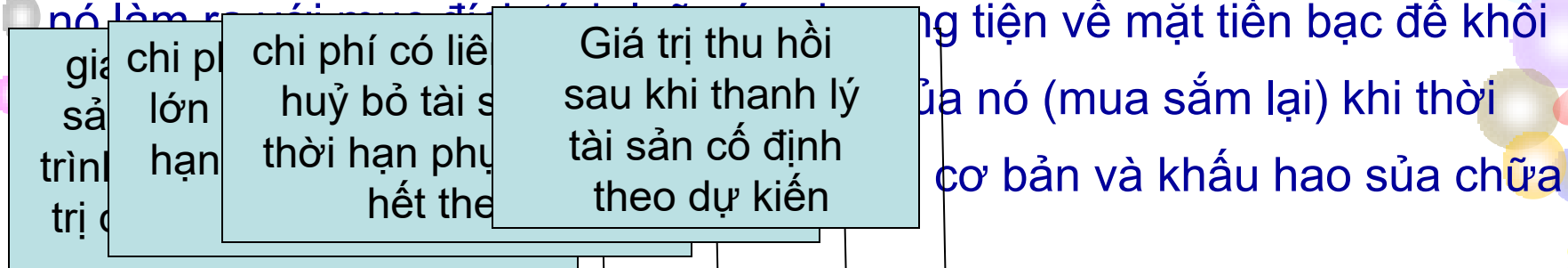
4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.3. Hao mòn, khấu hao, đánh giá và các hình thức tái sản xuất tài sản cố định

b. Khấu hao tài sản cố định

- ♦ Khái niệm:

+ ➔ Khấu hao TSCĐ là sự chuyển dần giá trị của nó vào giá thành SP do nó làm giảm dần giá trị sử dụng của tài sản cố định theo thời gian về mặt tiền bạc để khôi



+ ➔ Tổng số tiền khấu hao của một tài sản cố định nào đó phải tích lũy sau cả thời gian khấu hao qui định (nguyên giá):

$$T_k = G_b + C_s + C_h - G_c$$

4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.3. Hao mòn, khấu hao, đánh giá và các hình thức tái sản xuất tài sản cố định

b. Khấu hao tài sản cố định

- ◆ Khái niệm:

- + ➔ Mức khấu hao tuyệt đối (K_n) hằng năm là số tiền khấu hao phải thực hiện trong một năm nào đó
- + ➔ Mức khấu hao tương đối (a_n %) giữa mức khấu hao tuyệt đối hằng năm phải thực hiện và giá trị ban đầu của tài sản cố định



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.3. Hao mòn, khấu hao, đánh giá và các hình thức tái sản xuất tài sản cố định

b. Khấu hao tài sản cố định

- ◆ Các phương pháp tính khấu hao:

+ ➔ Khấu hao đường thẳng

+ ➔ Khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

+ ➔ Khấu hao theo sản lượng



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.3. Hao mòn, khấu hao, đánh giá và các hình thức tái sản xuất tài sản cố định

c. Đánh giá tài sản cố định

- ♦ Đánh giá tài sản cố định về mặt giá trị:

- Đánh giá tài sản cố định về mặt giá trị có ý nghĩa rất quan trọng vì nó góp phần vào việc bảo tồn vốn, đáp ứng được yêu cầu phát triển của kỹ thuật và giúp cho việc xác định giá thành sản phẩm hợp lý hơn, gồm :
- + ➔ Đánh giá TSCĐ theo giá ban đầu ở thời điểm mua sắm TSCĐ
 - + ➔ Đánh giá TSCĐ theo giá hiện tại ở thời điểm đánh giá
 - + ➔ Đánh giá TSCĐ theo giá trị ban đầu có trừ khấu hao đã thực hiện
 - + ➔ Đánh giá TSCĐ theo giá hiện tại ở thời điểm so sánh có trừ đi phần khấu hao đã thực hiện



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.3. Hao mòn, khấu hao, đánh giá và các hình thức tái sản xuất tài sản cố định

c. Đánh giá tài sản cố định

- **◆ Đánh giá tình trạng hao mòn về mặt kỹ thuật**

Việc đánh giá này có thể tiến hành bằng nhiều cách thí nghiệm, quan sát các hiện tượng bên ngoài của kết cấu tài sản cố định, hoặc qua kinh nghiệm tích lũy nhiều năm, có mấy trường hợp cần xem xét:

- + ➔ Đánh giá tình trạng hao mòn của từng chi tiết của TSCĐ
- + ➔ Đánh giá tổng thể tình trạng hao mòn của cả TSCĐ



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

c. Đánh giá tài sản cố định

- ◆ Đánh giá mức hao mòn vô hình về mặt trình độ kỹ thuật và mức tiện nghi sử dụng của tài sản cố định

+ ➔ Các TSCĐ hiện có luôn bị lạc hậu về mặt trình độ kỹ thuật và mức độ tiện nghi sử dụng so với loại TSCĐ cùng loại mới xuất hiện

+ ➔ Mức hao mòn vô hình về mặt kỹ thuật của TSCĐ được đánh giá bằng cách so sánh các chỉ tiêu đặc trưng cho trình độ kỹ thuật của TSCĐ hiện có với các chỉ tiêu tương ứng của các TSCĐ mới xuất hiện có trình độ kỹ thuật hiện đại nhất

+ ➔ Mức hao mòn vô hình về mặt tiện nghi trong sử dụng được xác định bằng cách so sánh các chỉ tiêu đặc trưng về trình độ tiện nghi của TSCĐ đang xét với các chỉ tiêu tương ứng của các TSCĐ mới xuất hiện có trình độ tiện nghi cao nhất ở thời điểm đang xét.









4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.2. Vốn cố định SX-KD trong Xây dựng

4.1.2.4. Lập kế hoạch về tài sản xuất tài sản cố định

- Nội dung của kế hoạch về tài sản cố định bao gồm:

- +  Kế hoạch trang bị TSCĐ xuất phát từ nhu cầu của thị trường và khả năng mở rộng SX-KD của doanh nghiệp
- +  Kế hoạch này bao gồm các vấn đề về mua sắm TSCĐ mới, cải tạo và hiện đại hoá các TSCĐ hiện có, đào thải các TSCĐ hết niên hạn sử dụng hay đã bị lạc hậu về mặt kỹ thuật và kinh tế, xác định phương án thuê máy hay tự mua sắm
- +  Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định hiện có
- +  Kế hoạch sử dụng tài sản cố định
- +  Kế hoạch khấu hao tài sản cố định
- +  Kế hoạch dự trữ tài sản cố định (nếu có)



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

Bao gồm
các
vấn đề



1 4.1.3.1. Khái niệm

2 4.1.3.2. Thành phần vốn lưu động

3 4.1.3.3. Cơ cấu vốn lưu động

4 4.1.3.4. Định mức vốn lưu động

5 4.1.3.5. Các nguồn hình thành vốn lưu động

4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.1. Khái niệm

◆ Vốn lưu động của doanh nghiệp xây dựng là một bộ phận sản xuất của doanh nghiệp mà hình thái vật chất của nó chủ yếu phụ thuộc vào đối tượng lao động. Những đối tượng lao động này chỉ tham gia vào quá trình sản xuất có một lần và chuyển toàn bộ giá trị của nó vào giá thành sản phẩm xây dựng (trừ vốn lưu thông)

◆ Trong quá trình vận động từ giai đoạn sản xuất này sang giai đoạn sản xuất khác vốn lưu động thay đổi hình thức biểu hiện của nó theo trình tự:

- + ➔ Tiền (Vật Liệu Xây dựng mua sắm ban đầu để dự trữ)
- + ➔ Sản phẩm xây dựng
- + ➔ Tiền (sau khi thanh toán, nghiệm thu)



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.2. Thành phần vốn lưu động

- a.** Vốn lưu động nằm trong giai đoạn sản xuất chế biến, gồm
- ✧ Dự trữ cho SX (vật liệu, nhiên liệu, vật rẻ tiền mau hỏng...)
 - ✧ Các tài sản nằm trong giai đoạn sản xuất chế biến :
 - + Giá trị khối lượng công tác xây lắp dở dang
 - + Các chi phí chờ phân bổ: là loại chi phí bỏ ra một lần nhưng phải phân bổ vào giá thành công tác xây lắp theo từng phần.
- b.** Vốn lưu thông (phần VLĐ nằm trong giai đoạn lưu thông)
- ✧ Vốn nằm trong thanh toán là giá trị công tác xây lắp đã hoàn thành, đã bàn giao và đang nằm trong giai đoạn thanh toán với chủ đầu tư nhưng kỳ hạn trả tiền chưa đến
 - ✧ Vốn tiền tệ là các khoản tiền nằm trong tay thủ quỹ, trong các tài khoản khi tính nợ và tín dụng



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.3. Cơ cấu của vốn lưu động:

Là mối quan hệ tỷ lệ giữa các bộ phận của vốn lưu động với toàn bộ giá trị của vốn lưu động

Cơ cấu này chịu ảnh hưởng của các nhân tố sau:

- ♦ Các nhân tố thuộc giai đoạn sản xuất như : độ dài của chu kỳ sản xuất, trình độ tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ xây dựng, tính chất của công trình xây dựng, năng suất lao động...
- ♦ Các nhân tố thuộc về phương thức thanh toán như khoảng cách giữa hai lần thanh toán, hình thức chuyển khoản, thủ tục thanh toán...

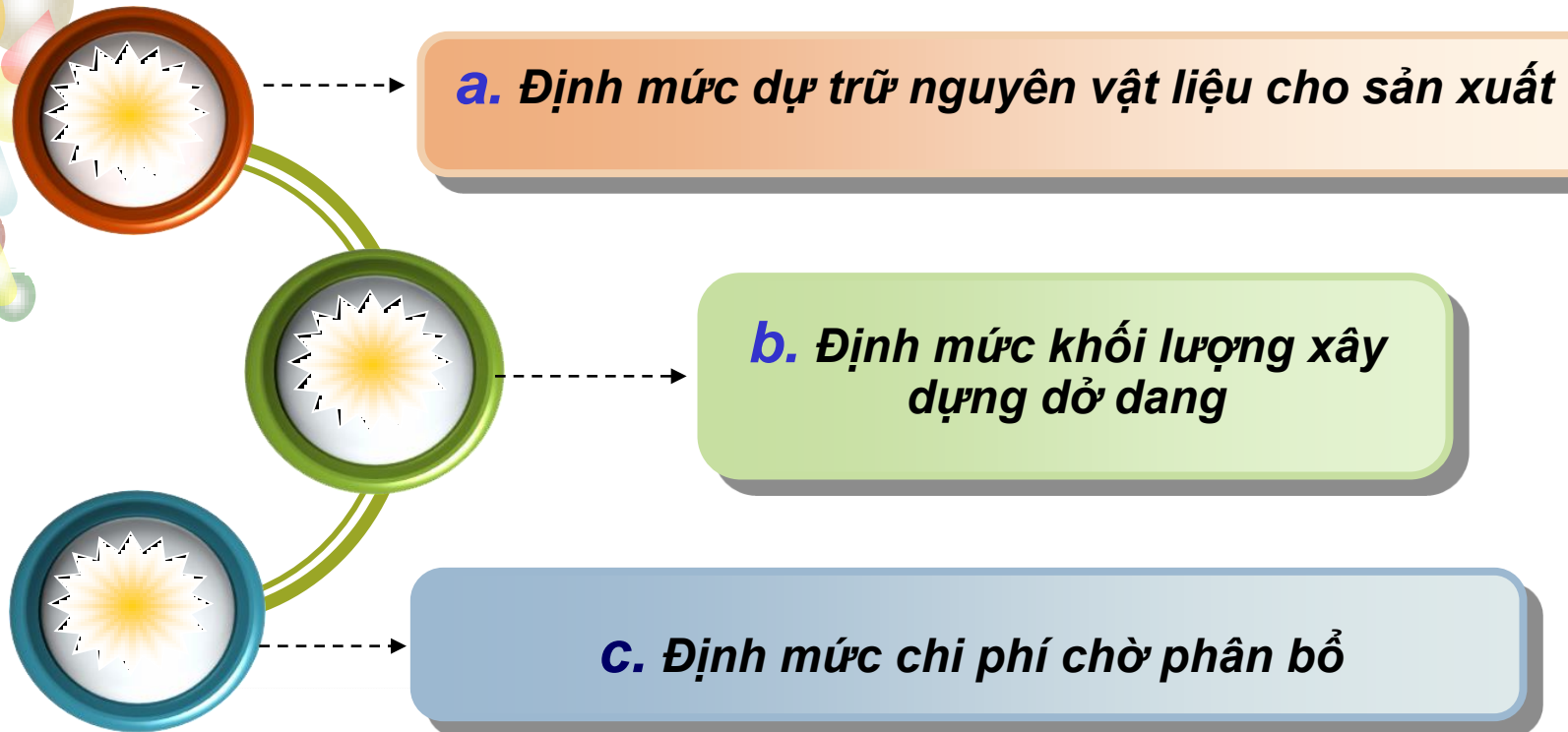


4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.4. Định mức vốn lưu động



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.4. Định mức vốn lưu động

- a. E khoảng cách giữa hai lần cung cấp thứ i nào đó của loại VL đang xét T_i và giá trị nguyên vật liệu được cung cấp lần thứ i A_i

Số ngày giữa hai lần cung cấp theo định mức dự kiến:

$$T_b = \frac{\sum T_i \cdot A_i}{\sum A_i}$$

- ◆ Dự trữ vật tư cho số ngày xuất, nhập kho và chuẩn bị cấp phát
- ◆ Dự trữ bảo hiểm đề phòng khi cung cấp bị gián đoạn
- ◆ Dự trữ thời vụ
- ◆ Dự trữ do hồ sơ thanh toán mua vật liệu sớm hơn mua vật tư



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.4. Định mức vốn lưu động

b. Định mức khối lượng xây dựng dở dang

Định mức này phụ thuộc vào phương thức thanh toán được áp dụng giữa chủ đầu tư và công ty xây dựng. Nếu cơ cấu công tác xây lắp và phương thức thanh toán của kỳ kế hoạch không thay đổi nhiều so với năm cũ thì định mức này có thể lấy theo kinh nghiệm thực tế của năm cũ

Việc xác định định mức này rất khó chính xác. Phương pháp có căn cứ khoa học hơn cả vẫn là phương pháp dựa trên biểu đồ phát triển công tác xây lắp tính theo tiền ở bản thiết kế tiến độ thi công của từng công trình và lịch thanh toán qui định giữa chủ đầu tư và doanh nghiệp xây dựng để tính ra giá trị công tác xây lắp dở dang.

4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.4. Định mức vốn lưu động

c. Định mức chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ thường được xác định bằng cách đem cộng chi phí chờ phân bổ hiện có ở đầu năm kế hoạch với các loại chi phí này dự kiến cho cả năm kế hoạch và sau đó trừ đi phần được phân bổ vào giá thành xây lắp ở năm kế hoạch theo dự kiến

$$C_{cpk}^{Dm} = C_{cpkh}^{dn} + C_{cpkh}^{dk} - C_{cpkh}^{da.pb}$$



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.3. Vốn lưu động SX-KD trong Xây dựng

4.1.3.5. Các nguồn hình thành vốn lưu động

Các nguồn hình thành vốn lưu động gồm:

- ◆ Một phần lợi nhuận trích để lại cho doanh nghiệp
- ◆ Một phần trích từ quỹ phát triển sản xuất
- ◆ Các khoản nợ ổn định và nguồn vốn đi vay



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.4. Nguồn vốn và các phương án cấu tạo nguồn vốn

4.1.4.1. Các nguồn vốn

Vốn của DNXD thường được hình thành từ các nguồn sau:

- ◆ Vốn do Nhà Nước cấp ban đầu (với DNNN),
- ◆ Vốn từ nguồn lợi nhuận và khấu hao thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp,
- ◆ Vốn vay dài hạn và ngắn hạn,
- ◆ Vốn đóng góp theo cổ phần
- ◆ Vốn liên doanh ...



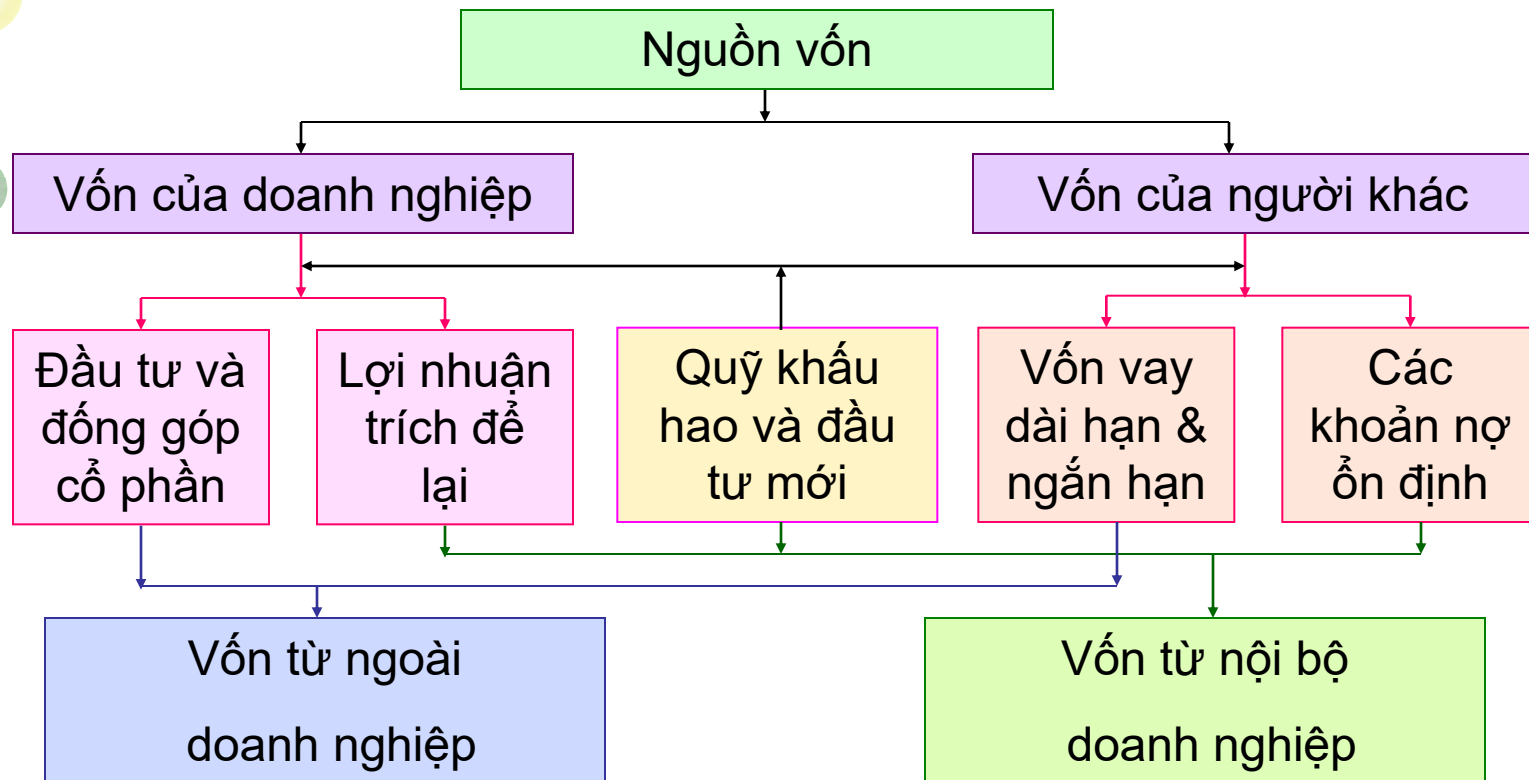
4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.4. Nguồn vốn và các phương án cấu tạo nguồn vốn

4.1.4.1. Các nguồn vốn

Trong nền kinh tế thị trường, các nguồn vốn thường được diễn tả theo sơ đồ sau



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.4. Nguồn vốn và phương án cấu tạo nguồn vốn

4.1.4.2. Phương án cấu tạo nguồn vốn giữa vốn tự có và vốn đi vay

Phương án cấu tạo này được đặc trưng bằng độ vay nợ V

$$V = \frac{V_k}{V_t}$$

V_k : vốn vay của người khác

V_t : vốn tự có của doanh nghiệp

Nếu $V=1$ thì mức độ chịu đựng rủi ro của DN và chủ nợ là như nhau

Nếu $V<1$ thì mức độ rủi ro của doanh nghiệp cao hơn

Nếu $V>1$ và càng lớn thì mức chịu rủi ro của chủ nợ tăng lên và

tình trạng thanh toán của doanh nghiệp càng dễ bị xấu đi



4.1.

Vốn của các doanh nghiệp xây dựng

4.1.4. Nguồn vốn và các phương án cấu tạo nguồn vốn

4.1.4.3. Các biện pháp tài chính thay thế:

Các biện pháp tài chính thay thế là các biện pháp giảm nhu cầu về nguồn vốn.

Có mấy phương hướng để giải quyết vấn đề nay như sau:

- ✧ Cho thuê tài sản cố định
- ✧ Bán tài sản cố định trước kỳ hạn
- ✧ Giải phóng vốn và mở rộng công suất nhờ khấu hao
- ✧ Giải phóng vốn ở lãnh vực vốn lưu động
- ✧ Dùng vốn của người khác
- ✧ Thuê tài sản cố định ...

